

Bản án số: 01/2024/KDTM - PT
Ngày: 22 - 01 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Ngọc Liễu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Bà Trần Thanh Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình: Bà Nguyễn Thị Phương-Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2023/TLPT- KDTM ngày 30/10/2023 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2023/KDTM - ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2023/QĐ - PT ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng T (gọi tắt V Bank). Địa chỉ: Tòa nhà V Bank, số 89 phố L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức L – cán bộ xử lý nợ.

2. *Bị đơn:* Công ty L. Địa chỉ: số 01, phố Ng, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị D. Địa chỉ: số nhà 63, tổ 7, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Bùi Sỹ Đ, sinh năm 1946; bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1947; anh Bùi Nguyễn H, sinh năm 1973. Cùng địa chỉ: số nhà 21, ngách 2/85 L, tổ 2, phường T1, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- Văn phòng Công chứng số 01 tỉnh Hòa Bình. Địa chỉ: số 103, đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- Bà Bùi Thị Ng, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ 13, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Ngân hàng T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sỹ Đ, bà Nguyễn Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng T (gọi tắt V Bank) trình bày: Ngày 03/7/2012, V Bank ký hợp đồng tín dụng hạn mức với Công ty Cổ phần Thương mại dược phẩm L (gọi tắt là Công ty L) hợp đồng số LD1218500282 với hạn mức tín dụng là 2.500.000.000đ, thời hạn hạn mức 12 tháng, lãi suất vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty L. Để bảo đảm tiền vay, Công ty L đã thế chấp các tài sản sau cho V Bank: Thế chấp quyền sử dụng đất và nhà của ông Bùi Sỹ Đ và bà Nguyễn Thị V tại số 2A phường T1, thành phố H; 01 xe ô tô nhãn hiệu Daewoo, BKS 28H-6838 thuộc sở hữu của Công ty L; quyền sử dụng đất và nhà của hộ bà Nguyễn Thị V tại tổ 17, phường T, thành phố H, tỉnh Hoà Bình; nhà và quyền sử dụng đất của ông Bùi Đức Th tại tổ 20, phường T1, thành phố H, tỉnh Hoà Bình.

Thực hiện hợp đồng, phía V Bank đã giải ngân cho phía Công ty L theo các Khế ước, cụ thể: khế ước nhận nợ số LD1301400330 ngày 14/01/2013 số tiền vay là 840.000.000đ; Khế ước nhận nợ số LD 13116900564 ngày 26/4/2013 và phụ lục số LD1334300374 ngày 09/12/2013 với số tiền vay là 1.660.000.000đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 01/7/2013 ông Bùi Đức Th đã thay mặt Công ty L thanh toán số tiền 835.000.000đ cho khế ước nhận nợ số LD1301400330 ngày 14/01/2013 và 20.000.000đ (Hai mươi triệu) vào tiền gốc của Khế ước nhận nợ số LD13116900564 ngày 26/4/2013. V Bank đã giải chấp và trả lại tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất tại tổ 20, phường T1, thành phố Hoà Bình cho ông Bùi Đức Th và điều chỉnh số nợ gốc của Công ty L theo Khế ước nhận nợ số LD1301400330 ngày 14/01/2013 từ 1.660.000.000đ xuống còn 1.640.000.000đ theo phụ lục hợp đồng số LD 1334300347 ngày 09/12/2013.

Do không thực hiện trả nợ đúng kỳ hạn nên khoản vay trên đến ngày 05/4/2014 phải chuyển quá hạn. V Bank cũng đã thu giữ và bán đấu giá chiếc xe ô tô nhãn hiệu Daewoo được 283.602.500đ và đã trừ vào tiền nợ gốc của khoản vay. Phần nợ còn lại chuyển quá hạn từ ngày 08/4/2014. Do Công ty L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên V Bank khởi kiện với yêu cầu: Buộc Công ty L thanh toán trả khoản tiền vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/7/2023) là 3.481.563.136đ, trong

đó số tiền nợ gốc là 1.356.397.500đ, nợ lãi trong hạn là 24.583.824đ, lãi quá hạn là 2.100.581.812đ; V Bank có quyền xử lý tài sản bảo đảm hoặc đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng hai thửa đất theo hai hợp đồng thế chấp số 09220.01.176 ngày 12/8/2009 và số 11220.01.38 ngày 18/5/2011.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn, bà Bùi Thị D: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm lần 2, bà D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên tại cấp sơ thẩm lần 1, bà D đã có bản tự khai xác định việc vay nợ giữa Công ty L và V Bank đúng như đại diện nguyên đơn đã trình bày về phần nợ gốc còn 1.356.397.500đ, các khoản vay này đều do gia đình ông Bùi Sỹ Đ sử dụng vì thế gia đình ông Đ phải có trách nhiệm trả, còn nếu ông Đ, bà V không trả thì đề nghị phát mại tài sản để thu hồi khoản nợ. Nay Công ty L đã ngừng hoạt Đ nên không có khả năng trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Sỹ Đ, bà Nguyễn Thị V trình bày: Việc vay tiền giữa Công ty L và V Bank ông không có ý kiến gì. Ông Đ đã xin nghỉ và thôi giữ chức Giám đốc Công ty L từ tháng 11/2011 nên đến nay ông không còn liên quan gì đến Công ty L nữa. Nhưng về việc xử lý tài sản thế chấp là hai thửa đất của gia đình ông thì ông, bà không đồng ý vì cho rằng Công ty L và V Bank lừa vợ chồng ông bà. Ông Đ chỉ cho Công ty L mượn quyền sử dụng đất tại tổ 2A phường T1, thành phố Hoà Bình để vay vốn trong hạn một năm chứ không cho mượn quyền sử dụng đất tại tổ 17, phường T, thành phố H. Ông Đ chỉ dùng thửa đất tại tổ 17, phường T để bảo đảm khoản vay gia đình 100.000.000đ và đã thanh toán xong nhưng bà Bùi Thị D và V Bank lại giả mạo thành hợp đồng thế chấp cho khoản vay của Công ty L; việc chứng thực hợp đồng là không có căn cứ. Ông Đ yêu cầu Công ty L thanh toán trả nợ cho V Bank và trả lại cho ông các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng hai thửa đất đã nêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Nguyễn H, chị Bùi Thị Ng trình bày: Anh H là người chung sống cùng ông Đ, bà V và chị Ng chung hộ với ông Đ, bà V nhưng anh chị không hề được ký vào bất kỳ văn bản thế chấp nào giữa Công ty L và V Bank. Đề nghị Toà án xem xét bảo vệ đúng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình anh, chị.

Văn phòng công chứng số 01 tỉnh Hoà Bình trình bày: Thừa nhận được chứng thực hai bản hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 09220.01.176 ngày 12/8/2009 và số 11220.01.38 ngày 18/5/2011. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Văn phòng công chứng số 01 không lưu và không tìm thấy bản gốc của hợp đồng thế chấp số 11220.01.38 ngày 18/5/2011. Văn phòng không có ý kiến gì và tuân thủ theo sự xem xét của pháp luật.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2023/KDTM - ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện L căn cứ: khoản 1 Điều 275, Điều 280; khoản 2 Điều 212; khoản 2 Điều 292; khoản 1 Điều 293; khoản 1 Điều 299; 307; 327; 463 và 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 4, 6 Điều 35 Luật Công chứng 2006; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của V Bank. Buộc Công ty L có nghĩa vụ thanh toán trả cho V Bank số nợ gốc là 1.356.397.500đ, nợ lãi trong hạn là 24.583.824đ, lãi quá hạn là 2.100.581.812đ, tổng cả gốc và lãi là 3.481.563.136 đ; Trường hợp Công ty L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền trên, V Bank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ khối tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của ông Bùi Sỹ Đ và vợ là bà Nguyễn Thị V tại tổ 2A, phường T1, thành phố H, theo hợp đồng thế chấp số 09220.01.176 ngày 12/8/2009, phụ lục ngày 25/4/2011 và phụ lục ngày 02/7/2012, để thanh toán khoản nợ được bảo đảm 1.000.000.000đ gốc và lãi phát sinh của 1.000.000.000đ tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm. Phần tài sản còn lại sau khi xử lý phải được trả lại cho ông Bùi Sỹ Đ và bà Nguyễn Thị V; Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản của hộ bà Nguyễn Thị V là quyền sử dụng thửa đất thửa số 78, tờ bản đồ số 21, diện tích 100,8m² tại tổ 17, phường T, thành phố H để thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LD 1218500282 ngày 03/7/2012 và khế ước nhận nợ số LD 13116900564 ngày 26/4/2013 và phụ lục số LD 1334300374 ngày 09/12/2013 giữa Công ty L và V Bank. V Bank phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị V.

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/7/2023, V Bank kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xem xét, giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của V Bank, công nhận quyền xử lý tài sản đối với quyền sử dụng đất tại tổ 17, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 08/8/2023, ông Bùi Sỹ Đ, bà Nguyễn Thị V kháng cáo đề nghị làm rõ khoản tiền 1.660.000.000đ Công ty L đã trả Ngân hàng nhưng Ngân hàng không trả lại tài sản cho gia đình ông Đ mà vẫn tiếp tục dùng tài sản của gia đình ông để tạo lập kế ước vay tiền ngày 26/4/2013; Tại sao Ngân hàng V Bank và Công ty L trả nợ qua tài khoản của chị Bùi Thị X (con dâu ông), sau đó lại bắt chị X hủy tài

khoản do chính Ngân hàng V Bank và Công ty L lập ra; khoản vay 420.000.000đ ngày 18/5/2011 là hồ sơ giả tạo; Quyết định số 133/2014/QĐ - HĐQT ngày 04/6/2014 của V Bank là không có giá trị pháp lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, V Bank và ông Đ, bà V giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của V Bank và ông Đ, bà V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn V Bank khởi kiện, yêu cầu bị đơn Công ty L, trả nợ tiền vay theo Hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được nợ. Bị đơn có trụ sở chính tại huyện L, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện L xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng tín dụng để thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Ngày 31/7/2023, nguyên đơn V Bank kháng cáo, ngày 08/08/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Sỹ Đ, bà Nguyễn Thị V có đơn kháng cáo. Căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Bà D vắng mặt, Văn phòng Công chứng số 01 và chị Bùi Thị Ng có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Các trường hợp trên đều được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo ông Đ, bà V về việc không nhất trí xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 45, tờ bản đồ số 17 của ông Bùi Sỹ Đ và bà Nguyễn Thị V tại số 2A phường T1, thành phố H vì ông bà cho rằng các khoản vay nợ V

Bank, Công ty L đã trả nợ xong, nên không được tuyên phát mại tài sản này. Hội đồng xét xử nhận định: Ngày 03/7/2012, V Bank ký hợp đồng tín dụng số LD1218500282 hạn mức là 2.500.000.000đ với Công ty L; Khế ước nhận nợ số LD1301400330 ngày 14/01/2013 giải ngân số tiền cho vay là 840.000.000đ (Tám trăm, bốn mươi triệu) và khế ước nhận nợ số LD13116900564 ngày 26/4/2013 giải ngân số tiền vay là 1.660.000.000 đ (*Một tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu*). Các khế ước này nằm trong thời hạn hạn mức tín dụng (12 tháng). Việc các bên ký kết hợp đồng là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được coi là hợp pháp và có hiệu lực đối với các bên tham gia. Mức lãi suất phù hợp quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 01/7/2013 ông Bùi Đức Th đã thay mặt Công ty L thanh toán số tiền 835.000.000đ cho khế ước nhận nợ số LD1301400330 ngày 14/01/2013 và 20.000.000đ (Hai mươi triệu) vào tiền gốc của Khế ước nhận nợ số LD 13116900564 ngày 26/4/2013. V Bank đã giải chấp và trả lại tài sản đã thế chấp cho ông Bùi Đức Th và điều chỉnh số nợ gốc của Công ty L theo Khế ước nhận nợ số LD1301400330 ngày 14/01/2013 từ 1.660.000.000đ xuống còn 1.640.000.000đ theo phụ lục hợp đồng số LD1334300347 ngày 09/12/2013. V Bank cũng đã thu giữ và bán đấu giá chiếc xe ô tô nhãn hiệu Daewoo được 283.602.500đ nên số tiền nợ gốc còn lại 1.356.397.500đ. Từ ngày 08/4/2014 đã chuyển sang quá hạn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận còn nợ số tiền nợ gốc là 1.356.397.500đ, mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng mà V Bank đề nghị là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Ông Đ, bà V cho rằng Công ty L đã trả toàn bộ nợ cho V Bank nhưng không có tài liệu chứng minh cho việc Công ty L đã trả xong nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ bà V cung cấp tài liệu cho rằng con dâu mình là bà Bùi Thị X đã thay ông, bà trả số tiền cho Ngân hàng khoảng 305.000.000đ, tuy nhiên tài liệu thể hiện bà X gửi tiền vào tài khoản của Công ty L không phải nộp để trả V Bank. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả số tiền 3.481.563.136đ (trong đó nợ gốc 1.356.397.500đ, nợ lãi trong hạn là 24.583.824đ, lãi quá hạn là 2.100.581.812đ) là có căn cứ. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được lập theo đúng trình tự, thủ tục công chứng, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bên thế chấp (ông Đ, bà V) tự nguyện ký kết hợp đồng và đơn yêu cầu đăng ký tài sản thế chấp. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm, ông Đ và bà V thừa nhận có được ký hợp đồng thế chấp đối với thửa đất số 45 tại tổ 2A, phường T1, thành phố H. Ông Đ, bà V thừa nhận ký phụ lục số 2 của hợp đồng vào ngày 02/7/2012 và là căn cứ để V Bank ký hợp đồng hạn mức số LD1218500282 ngày 03/7/2012 với Công ty L. Vì vậy, yêu cầu của V Bank về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là có căn cứ.

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên phát mại tài sản tại tổ 2A, phường T1 chỉ ghi “...để thanh toán khoản nợ được bảo đảm 1.000.000.000đ gốc và lãi phát sinh của 1.000.000.000đ tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm...”. Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng đề nghị ghi rõ số tiền đảm bảo trong trường hợp Công ty L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì tài sản đảm bảo khoản nợ là 2.566.722.009đ (trong đó nợ gốc là 1.000.000.000đ, lãi trong hạn 14.990.137đ, lãi quá hạn là 1.551.781.872đ), căn cứ vào nghĩa vụ Công ty L phải trả V Bank số tiền 3.481.563.136đ thì đề nghị này là phù hợp, đảm bảo trong quá trình thi hành án, cần chấp nhận và ghi rõ trong quyết định. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2.2]. Đối với kháng cáo của V Bank về việc không nhất trí bản án sơ thẩm, đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 11220.38 ngày 18/5/2011. Hội đồng xét xử nhận định: V Bank khởi kiện chỉ cung cấp được bản sao của Hợp đồng thế chấp và cho rằng nghĩa vụ chứng minh đã đảm bảo theo quy định của pháp luật, tuy nhiên hộ gia đình ông Đ cho rằng chữ ký trong hợp đồng thế chấp là giả mạo. Theo kết luận giám định số 40/KLGD-CAT-PC09 ngày 27/02/2020 và kết luận giám định số 240/KLGD-CAT-PC09 ngày 20/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình thì không đủ điều kiện kết luận ông Đ, bà V, anh H, chị Ng đã ký dưới mục Bên thế chấp. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì trong trường hợp có dấu hiệu nghi ngờ tính khách quan của văn bản chứng thực thì phải yêu cầu đương sự cung cấp bản gốc tuy nhiên V Bank và Văn phòng công chứng số 1 không cung cấp được bản gốc hợp đồng thế chấp tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Nên không đủ căn cứ để chứng minh cho yêu cầu phát mại tài sản thế chấp tại tổ 17, phường T, thành phố H. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là đúng. Tại cấp phúc thẩm, V Bank khẳng định đến thời điểm này vẫn không cung cấp được bản gốc hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11220.01.38 ngày 18/5/2011. Do không được chấp nhận phát mại tài sản với lý do là chưa đủ căn cứ chứng minh mà ông Đ, bà V có yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc cấp sơ thẩm tuyên trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà V là phù hợp.

Từ những nhận định tại [2.1], [2.2], Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của V Bank và ông Đ, bà V. Cần sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, cần ghi rõ số tiền đảm bảo thanh toán khoản nợ như phân tích ở trên.

[3]. Các quyết định khác của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên V Bank và ông Đ, bà V phải nộp 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Quá trình giải

quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ông Đ và bà V có đơn xin miễn giảm án phí. Căn cứ vào Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn nộp toàn bộ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm cho ông Đ, bà V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Sỹ Đ, bà Nguyễn Thị V.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM - ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 275, Điều 280, khoản 2 Điều 212, khoản 2 Điều 292, khoản 1 Điều 293, khoản 1 Điều 299, Điều 307, Điều 327 và 463 của Bộ luật dân sự ;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T (V Bank); buộc Công ty L có nghĩa vụ thanh toán trả cho V Bank số nợ gốc là 1.356.397.500đ, nợ lãi trong hạn là 24.583.824đ, lãi quá hạn là 2.100.581.812 đ, tổng cả gốc và lãi là 3.481.563.136đ (*Ba tỷ, bốn trăm tám mươi một triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm hai mươi tư đồng*) theo khế ước nhận nợ số LD 13116900564 ngày 26/4/2013 và phụ lục số LD 1334300374 ngày 09/12/2013. Khoản vay được bảo đảm một phần bởi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông Bùi Sỹ Đ và vợ là bà Nguyễn Thị V tại số 2A phường T1, thành phố H đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 17, loại đất thổ cư, diện tích 116,3m², theo hợp đồng thế chấp số 09220.01.176 ngày 12/8/2009, phụ lục ngày 25/4/2011 và phụ lục ngày 02/7/2012. Ngân hàng T có nghĩa vụ làm các thủ tục giải chấp và trả lại các giấy tờ liên quan đến thửa đất thế chấp cho ông Bùi Sỹ Đ, bà Nguyễn Thị V ngay sau khi nghĩa vụ trả nợ của Công ty L được thực hiện xong.

Trường hợp Công ty L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền trên, Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án

dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ khối tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của ông Bùi Sỹ Đ và vợ là bà Nguyễn Thị V tại tổ 2A, phường T1, thành phố H đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 17, loại đất thổ cư, diện tích 116,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 084625, vào Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02100, do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 07/4/2009, theo hợp đồng thế chấp số 09220.01.176 ngày 12/8/2009, phụ lục ngày 25/4/2011 và phụ lục ngày 02/7/2012, để thanh toán khoản nợ được bảo đảm là 2.566.722.009đ (*Hai tỷ, năm trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, chín đồng*) (đã bao gồm gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn). Phần tài sản còn lại sau khi xử lý phải được trả lại cho ông Bùi Sỹ Đ và bà Nguyễn Thị V.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản của hộ bà Nguyễn Thị V là quyền sử dụng thửa đất thửa số 78, tờ bản đồ số 21, diện tích 100,8m² tại tổ 17, phường T, thành phố Hoà Bình để thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LD 1218500282 ngày 03/7/2012 và khế ước nhận nợ số LD 13116900564 ngày 26/4/2013 và phụ lục số LD 1334300374 ngày 09/12/2013 giữa Công ty L và V Bank. Ngân hàng T phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị V.

2. Các quyết định khác của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí phúc thẩm:

+ Ngân hàng T phải nộp 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004580 ngày 09/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hòa Bình. V Bank đã thực hiện nộp xong án phí.

+ Miễn nộp cho ông Nguyễn Sỹ Đ, bà Nguyễn Thị V mỗi người 2.000.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Bùi Sỹ Đ

2.000.000đ tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004597 ngày 29/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hòa Bình.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 22.01.2024./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện L;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA; tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Liễu